

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2017/HS-ST  
Ngày 28/11/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Phạm Hữu Triều.

Bà: Nguyễn Thị Vân Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm T Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 137/2017/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1994, tại thôn DT, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn DT, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đặng Thị H1 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2016, đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm cai nghiện xã ĐL, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/9/2017, đến ngày 28/9/2017 chuyển tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** Cháu Trịnh Tiến Đ1, sinh ngày 23/6/2001, trú tại thôn A, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*).

**- Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Chị Phạm Thị D, sinh năm 1980, trú tại thôn A, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*).

**- Những người làm chứng:**

Anh Trịnh Trọng T5, sinh năm 1975; anh Trịnh Mạnh T4, sinh năm 1978; chị Phạm Thị D, sinh năm 1980, đều trú tại thôn A, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình (*những người làm chứng đều vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 19/9/2017, Trần Văn T đi bộ từ nhà ở thôn DT, xã T1 sang khu vực thôn A, xã T3 mục đích thấy ai sơ hở thì trộm cắp tài sản.

Khi đi qua nhà anh Trịnh Mạnh T4, T phát hiện thấy cửa cổng không khóa, cửa nhà đóng kín, đường vắng, trong sân có 01 xe đạp điện, sơn màu đỏ, gắn biển kiểm soát 17MĐ6-04963 của cháu Trịnh Tiến Đ1 là con trai anh T4. T đẩy cổng đi vào gần chiếc xe, thấy xe không khóa cổ, khóa càng, T gạt chân chống xe và đẩy lùi chiếc xe qua cổng được khoảng 2-3m thì nghe thấy có tiếng hô “trộm, trộm”, T tiếp tục đẩy chiếc xe đi được khoảng 10m, thấy có nhiều người đuổi theo, T vứt xe bỏ chạy, chạy được một đoạn thì bị gia đình anh T4 và quần chúng nhân dân bắt giữ, đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T3 giao cho Công an xã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản số 56/KL-ĐG ngày 21/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T2 kết luận “01 xe máy điện nhãn hiệu Before ALL FH, sơn màu đỏ, gắn biển kiểm soát 17MĐ6-04963, đã qua sử dụng. Mua mới tháng 8 năm 2016, giá tại thời điểm xâm hại 8.000.000 đồng (tám triệu đồng)”.

Tại Cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 09/11/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, người T hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự, bị cáo không có đơn khiếu nại tố cáo.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn T đều khai nhận vào khoảng 12 giờ ngày 19/9/2017, T có hành vi trộm cắp 01 xe đạp điện, sơn màu đỏ, gắn biển kiểm soát 17MĐ6-04963 của cháu Trịnh Tiến Đ1 con anh Trịnh Mạnh T4 trị giá 8.000.000 đồng bị gia đình anh T4 và quần chúng nhân dân bắt giữ, đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T3 giao cho Công an xã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là cháu Trịnh Tiến Đ1; lời khai của người đại diện

hợp pháp của bị hại là chị Phạm Thị D; lời khai của những người làm chứng là các anh Trịnh Trọng T5, Trịnh Mạnh T4 và chị Phạm Thị D; Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an xã T3 lập ngày 19/9/2017; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản định giá tài sản; Bản kết luận Định giá tài sản số 56/KL-ĐG ngày 21/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T2 và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, vào khoảng 12 giờ ngày 19/9/2017, bị cáo Trần Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản 01 xe đạp điện, sơn màu đỏ, gắn biển kiểm soát 17MĐ6-04963 của cháu Trịnh Tiến Đ1 trị giá 8.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

### **Điều 138 Tội trộm cắp tài sản**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho nhân dân. Bị cáo đã trưởng thành về mọi mặt, mặc dù đã nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm so với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, bị cáo có thời gian tham gia quân đội, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Cháu TrDD12 Tiến Đ1 và người đại diện hợp pháp của cháu Đạt là chị Phạm Thị D đã nhận lại chiếc xe máy điện, gắn biển kiểm soát 17MĐ6-04963. Cháu Đ1, chị D không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T2 đã quản lý và trả lại chiếc xe máy điện, gắn biển kiểm soát 17MĐ6-04963, cho cháu Trịnh Tiến Đ1 và người đại diện hợp pháp của cháu Đ1 là chị Phạm Thị D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

**2. Xử phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

### **3. Về trách nhiệm dân sự:**

Cháu Trịnh Tiến Đ1 và người đại diện hợp pháp của cháu Đ1 là chị Phạm Thị D đã nhận lại chiếc xe máy điện, gắn biển kiểm soát 17MĐ6-04963. Cháu Đ1, chị D không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

### **4. Về xử lý vật chứng:**

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T2 đã trả lại chiếc xe máy điện, gắn biển kiểm soát 17MĐ6-04963, cho cháu Trịnh Tiến Đ1 và người đại diện hợp pháp của cháu Đ1 là chị Phạm Thị D.

**5. Về án phí:** Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/11/2017; cháu Trịnh Tiến Đ1 và người đại diện hợp pháp của cháu Đ1 là chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

### **Nơi nhân:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T2;
- Công an huyện T2;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đồng Ngọc Huyền**